



UBND QUẬN BA ĐÌNH
TRƯỜNG THCS HOÀNG HOA THÁM

KẾT QUẢ THI “ĐẤU TRƯỜNG TOÁN HỌC” CẤP TRƯỜNG

Năm học: 2024-2025

Khối 9

STT	Họ tên	Lớp	Số câu đúng	Số câu sai	Tổng số giây suy nghĩ	Thứ hạng
1	Trần Quỳnh	9A1	28	2	1192	6
2	Hoàng Anh Quân	9A1	28	1	1193	7
3	Nguyễn Tuấn Minh	9A1	27	3	1147	14
4	Trần Thế Phúc	9A1	27	3	1150	15
5	Trần Gia Khánh	9A1	27	3	1191	20
6	Nguyễn Hoàng Ngân Khánh	9A1	26	4	1102	31
7	Nguyễn Đăng Mạnh	9A2	26	4	1102	32
8	Nguyễn Đỗ Hưng	9A1	26	4	1113	34
9	Lương Nam Phong	9A1	25	5	1182	62
10	Nguyễn Như Lâm Sơn	9A1	25	4	1188	65
11	Nguyễn Quang Minh	9A4	23	7	1163	112
12	Trần Minh Dương	9A1	23	7	1166	113
13	Nguyễn Hoàng Ngọc Lan	9A1	23	6	1188	125
14	Nguyễn Minh Quang	9A1	23	6	1193	129
15	Đoàn Trung Nguyên	9A1	23	5	1194	131
16	Nguyễn Hà Ngọc Linh	9A1	23	6	1195	134
17	Phạm Phương Vy	9A1	23	5	1198	137
18	Đặng Minh Sơn	9A1	22	6	1170	157
19	Vũ Hồng Nguyên	9A1	22	G	1171	159
20	Trần Sơn Quân	9A2	22	8	1194	175
21	Vũ Gia Huy	9A1	22	8	1197	185
22	Vũ Đăng Huy	9A2	21	9	1080	198
23	Vũ Đình Minh Khôi	9A1	21	6	1150	209
24	Đào Hà Vy	9A1	21	9	1162	210
25	Nguyễn Quốc Trọng	9A1	21	9	1198	236
26	Bùi Ngô Khánh Chi	9A1	20	10	1133	246
27	Trần Hải Đăng	9A1	20	10	1165	253
28	Nguyễn Minh Ngọc	9A1	20	10	1187	266
29	Nguyễn Minh Đức	9A1	20	10	1190	269
30	Cù Diệu Huyền	9A1	20	10	1191	272
31	Nguyễn Ngọc Mai	9A1	19	11	1180	310

32	Lê Hoàng Ánh Dương	9A1	19	11	1187	315
33	Nguyễn Thanh Ngọc Hà	9A2	19	11	1189	319
34	Hoàng Ngân Khánh	9A2	19	9	1195	323
35	Nguyễn Đức Minh	9A3	19	9	1196	325
36	Trần Thùy Linh	9A2	18	9	1120	343
37	Trần Lưu Khánh An	9A1	18	9	1195	373
38	Lê Thành Long	9A2	18	11	1196	378
39	Đinh Văn Minh Hiếu	9A5	17	11	1149	394
40	Lê Hương Giang	9A5	17	12	1162	397
41	Trần Bảo Ngọc	9A1	17	13	1176	401
42	Bùi Dương Ngân Châu	9A1	17	13	1187	407
43	Nguyễn Hà Chi	9A2	17	7	1188	408
44	Đặng Hoàng Minh Quang	9A2	17	10	1194	412
45	Trịnh Nguyên An	9A2	17	13	1198	426
46	Vũ Xuân Thái	9A2	16	12	1186	451
47	Nguyễn Minh Khuê	9A4	16	12	1189	453
48	Bùi Gia Thịnh	9A5	16	14	1194	455
49	Phạm Khánh Linh	9A2	15	9	1186	465
50	Tiết Nguyên Khôi	9A3	14	9	1166	484
51	Nguyễn Danh Gia Thái	9A4	14	16	1186	487
52	Nguyễn Đăng Khôi	9A4	13	17	979	496
53	Nguyễn Ngọc Bảo Linh	9A1	13	16	1184	501
54	Lê Quỳnh Nhi	9A2	13	11	1195	505
55	Trần Thu Hà	9A5	13	13	1195	506
56	Lưu Băng Tâm	9A1	13	16	1198	509
57	Nguyễn Tuấn Hưng	9A4	12	18	1075	515
58	Đặng Quỳnh Anh	9A2	12	16	1155	516
59	Nguyễn Bảo An Thái	9A4	5	4	224	543